

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Y Nik Êban

2/. Ông Vũ Như Anh

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam

Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Tất Tại Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXHS-ST, ngày 19/7/2018 đối với:

Bị cáo Nguyễn Đức L, sinh năm 1992; Nơi sinh: huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/10; Con ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 hiện đang làm nông và sinh sống tại thôn 9, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tạm ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27 ngày 20/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

Ông Mai Trọng D Sinh năm: 1986.

Trú tại: Thôn 14, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Ông Trương Quốc T Sinh năm: 1989.

Trú tại: Thôn 20, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

Ông Hà Văn H Sinh năm: 1990.

Trú tại: Thôn B, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Ông Cao Sơn Đ Sinh năm: 1990.

Trú tại: Thôn 20, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Ông Mai L Sinh năm: 1970.

Trú tại: Thôn 9, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Anh Lê Phi L Sinh năm: 1994.

Trú tại: Thôn 9, xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 06/5/2017, ông Trương Quốc T, ông Mai Trọng D, ông Hà Văn H và ông Cao Sơn Đ ngồi nhậu tại quán của ông Mai L tại thôn 9, xã Đ, huyện E. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức L (sinh năm 1992, trú tại thôn 9, xã Đ) đi đến bàn thì được những người trong bàn của ông T và ông D mời rượu. Trong lúc uống rượu thì L nói với những người trong bàn nhậu “Chúng mày thích đánh nhau không” và dùng tay tát vào mặt của ông Đ một cái nhưng ông Đ đỡ được. Tiếp đó, L dùng tay phải cầm bình thủy tinh đựng nước ở trên bàn nhậu ném về phía ông T, ông T đưa tay phải ra đỡ nhưng không đỡ được nên bình thủy tinh trúng vào phần trán bên phải của ông T. Bình thủy tinh bị vỡ, làm các mảnh vỡ văng ra trúng vào tay phải của ông T, gây thương tích. Lúc này ông D đang ngồi bên cạnh ông T cũng bị các mảnh vỡ của bình thủy tinh văng trúng vào tay phải của ông D, gây thương tích. Sau đó, L về nhà của mình còn ông D và ông T bị thương phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Vật chứng thu giữ: 01 túi đựng các mảnh vỡ của bình thủy tinh màu trắng, chất liệu thủy tinh (BL:15).

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 253/PY-TgT và số 254/PY-TgT ngày 05/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Trương Quốc T bị đa thương phần mềm với tỷ lệ thương tích 12%; Mai Trọng D bị vết thương cẳng tay, đứt cơ và nhánh nông thần kinh quay phải với tỷ lệ thương tích 15% (BL:27-28).

Tại bản cáo trạng số 25/KSĐT-HS, ngày 01/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa bị hại ông Mai Trọng D khai nhận: Khoảng 20 giờ, ngày 06/5/2017 trong lúc đang ngồi ăn cơm tối cùng với ông Trương Quốc T và ông Cao Sơn Đ tại quán nhậu của ông Mai L ở thôn 9, xã Đ, lúc này Nguyễn Đức L đi đến và được mọi người trong bàn mời rượu. Trong lúc uống rượu thì L nói với những người trong bàn nhậu “Chúng mày thích đánh nhau không” và dùng tay tát vào mặt của anh Đ một cái nhưng anh Đ đỡ được. Tiếp đó, L dùng tay phải cầm bình thủy tinh đựng nước ở trên bàn nhậu ném trúng vào phần trán bên phải của ông T làm bình thủy tinh bị vỡ, văng ra trúng vào tay phải của ông T và tay phải của ông D, hậu quả gây thương tích đối với ông D là 15% sức khỏe, gây thương tích đối với ông T là 12% sức khỏe.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội “Cố ý gây thương tích”. Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Đức L và bị hại ông Mai Trọng D tại phiên tòa, theo đó bị cáo Nguyễn Đức L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Mai Trọng D số tiền 14.433.316đ, (Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười sáu đồng), bị cáo đã bồi thường trước cho ông D số tiền 2.000.000đ, số tiền còn lại phải bồi thường là 12.433.316đ.

Bị cáo Nguyễn Đức L đã bồi thường cho ông Trương Quốc T số tiền 2.000.000đ, ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi đựng các mảnh vỡ của bình thủy tinh màu trắng, chất liệu thủy tinh, vì không có giá trị sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Đức L đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị hại ông Mai Trọng D đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Đức L đã tỏ ra thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Nguyễn Đức L đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a, i khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội để áp dụng điều luật quy định có lợi cho người phạm tội, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng tội danh và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Dùng hung khí nguy hiểm.

.....
i) Có tính chất côn đồ.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng đối với bản thân bị cáo Nguyễn Đức L, bên cạnh đó còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật hình sự, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của ông Trương Quốc T và ông Mai Trọng D trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự tại địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình, bị cáo nhận thức được rằng việc bị cáo vô cớ cầm bình thủy tinh đựng nước ném vào người khác tất yếu sẽ gây thương tích. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, hậu quả gây thương tích đối với ông D là 15% sức khỏe và đối với ông T là 12% sức khỏe. Do đó, truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để trong quá trình giáo dục, cải tạo bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, từ đó hoàn thiện lối sống để khi tái hòa nhập cộng đồng bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Trương Quốc T số tiền 2.000.000đ, bồi thường cho bị hại ông Mai Trọng D số tiền 2.000.000đ nhằm khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, ngoài ra bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ ngày 22/02/2011 đến ngày 20/8/2012 tại đơn vị đại đội 20, trung đoàn 66, sư đoàn 10, QĐ 3 tại tỉnh Kon Tum theo quyết định về việc cho quân nhân xuất ngũ số 51/QĐ-XN, ngày 20/8/2012 của trung đoàn 66. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Đức L và bị hại ông Mai Trọng D tại phiên tòa, theo đó bị cáo Nguyễn Đức L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Mai Trọng D số tiền 14.433.316đ, (Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười sáu đồng), cụ thể như sau:

- Tiền thuê xe đi cấp cứu từ huyện EaKar đến bệnh viện Thiện Hạnh, thành phố Buôn Mê Thuột và ngược lại là 700.000đ.
 - Tiền công không lao động được trong thời gian nằm viện từ ngày 07/5/2017 đến ngày 12/5/2017 là: 150.000đ x 5 ngày = 750.000đ.
 - Tiền công người chăm sóc trong thời gian nằm viện từ ngày 07/5/2017 đến ngày 12/5/2017 là: 150.000đ x 5 ngày = 750.000đ.
 - Tiền viện phí, tiền thuốc có hóa đơn là 9.983.316đ.
 - Tiền công không lao động được sau thời gian nằm viện từ ngày 13/5/2017 đến ngày 27/5/2017 là: 150.000đ x 15 ngày = 2.250.000đ.
- Bị cáo đã bồi thường trước cho ông D số tiền 2.000.000đ, số tiền còn lại phải bồi thường là 12.433.316đ.

Bị cáo Nguyễn Đức L đã bồi thường cho ông Trương Quốc T số tiền 2.000.000đ, ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi đựng các mảnh vỡ của bình thủy tinh màu trắng, chất liệu thủy tinh, vì không có giá trị sử dụng. (Nhu biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar).

Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là hoàn toàn có căn cứ pháp lý. Tuy nhiên mức đề nghị về hình phạt đối với bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Đức L và bị hại ông Mai Trọng D tại phiên tòa, theo đó bị cáo Nguyễn Đức L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Mai Trọng D số tiền 14.433.316đ, (Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười sáu đồng), bị cáo đã bồi thường trước cho ông D số tiền 2.000.000đ, số tiền còn lại phải bồi thường là 12.433.316đ.

Bị cáo Nguyễn Đức L đã bồi thường cho ông Trương Quốc T số tiền 2.000.000đ, ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi đựng các mảnh vỡ của bình thủy tinh màu trắng, chất liệu thủy tinh, vì không có giá trị sử dụng. (Như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar).

- **Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 621.665đ (Sáu trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: $(12.433.316đ \times 5\% = 621.665đ)$.

Bị cáo Nguyễn Đức L, bị hại ông Mai Trọng D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại ông Trương Quốc T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao.
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện EaKar
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Hồng Trường